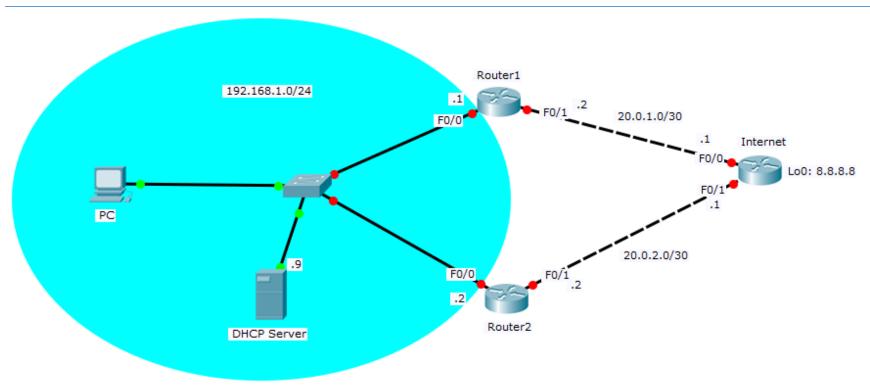
HƯỚNG DẪN LAB LAB 15 – HSRP

Designed by : Nguyễn Phú Thịnh

Sơ đồ LAB:



Yêu cầu

- Đấu nối, đặt tên thiết bị, và đặt IP cho các port như sơ đồ
- Cấu hình DHCP Server cấp IP cho mạng 192.168.1.0/24 với các thông số sau:

o Tên Pool: Pool1

IP đầu tiên: 192.168.1.11
 Cho phép cấp IP cho 200 user
 Default Gateway: 192.168.1.3

o DNS Server: 8.8.8.8

• Cấu hình default route và NAT overload cho Router1 và Router2 để PC trong mạng 192.168.1.0/24 có thể ra được Internet (có thể ping 8.8.8.8).

Lưu ý : trên router Internet, chỉ đặt IP cho interface, ngoài ra không cấu hình gì thêm

- Cấu hình HSRP cho Router 1 và Router 2 để dự phòng gateway cho mạng 192.168.1.0/24, với các thông số như sau :
 - o Địa chỉ IP ảo là 192.168.1.3
 - o Router 1 là Active, có priority là 105
 - Router 2 là Standby, có priority mặc định (= 100)
 - o Cấu hình preempt cho cả 2 router
- Cấu hình track interface F0/1 trên Router1, để khi kết nối này gặp sự cố, Router2 sẽ trở thành Active.
- Kiểm tra các thông số HSRP và tính năng dự phòng

Các bước thực hiện

Bước 1 : Đấu nối và đặt tên thiết bị như sơ đồ

Bước 2 : Đặt IP cho các port

```
Router1
Router1(config) #interface F0/0
Router1 (config-if) #ip add 192.168.1.1 255.255.255.0
Router1(config-if) #no shut
Router1 (config-if) #exit
Router1(config) #interface F0/1
Router1(config-if) #ip add 20.0.1.2 255.255.255.252
Router1(config-if) #no shut
Kiểm tra :
Router1#show ip interface brief
Interface
                IP-Address
                                      OK? Method Status
                                                                        Protocol
                                      YES manual up
FastEthernet0/0
                      192.168.1.1
FastEthernet0/1
                      20.0.1.2
                                      YES manual up
                                                                        down
Vlan1
                      unassigned
                                       YES unset administratively down down
```

Lưu ý: Port có thể ở trạng thái down, do chưa cấu hình đầu xa

```
Router2

Router2(config) #interface F0/0

Router2(config-if) #ip address 192.168.1.2 255.255.255.0
```

```
Router2(config-if) #no shut
Router2(config-if)#exit
Router2(config) #interface F0/1
Router2(config-if) #ip address 20.0.2.2 255.255.255.252
Router2(config-if) #no shut
Kiểm tra:
Router2#show ip interface brief
Interface
                     IP-Address
                                   OK? Method Status
                                                                     Protocol
FastEthernet0/0
                     192.168.1.2
                                    YES manual up
                                                                     up
FastEthernet0/1
                     20.0.2.2
                                     YES manual up
                                                                      down
Vlan1
                     unassigned
                                    YES unset administratively down down
```

```
Internet
Internet(config)#interface F0/0
Internet(config-if) #ip address 20.0.1.1 255.255.255.252
Internet(config-if) #no shut
Internet(config-if)#exit
Internet(config) #interface F0/1
Internet(config-if) #ip address 20.0.2.1 255.255.255.252
Internet(config-if) #no shut
Internet(config-if)#exit
Internet(config)#interface loopback 0
Internet(config-if) #ip address 8.8.8.8 255.255.255.255
Kiểm tra:
Internet#show ip interface brief
Interface
                     IP-Address
                                    OK? Method Status
                                                                      Protocol
FastEthernet0/0
                     20.0.1.1
                                     YES manual up
                     20.0.2.1
FastEthernet0/1
                                     YES manual up
                                                                      up
                     8.8.8.8
Loopback0
                                     YES manual up
                                                                      up
Vlan1
                     unassigned YES unset administratively down down
```

Bước 2: Kiểm tra bằng cách ping trực tiếp

```
Router1#ping 192.168.1.2

Type escape sequence to abort.
Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 192.168.1.2, timeout is 2 seconds:
.!!!!
Success rate is 80 percent (4/5), round-trip min/avg/max = 0/1/3 ms

Router1#ping 20.0.1.1

Type escape sequence to abort.
Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 10.0.0.2, timeout is 2 seconds:
.!!!!
Success rate is 80 percent (4/5), round-trip min/avg/max = 0/0/0 ms
```

```
Router2#ping 192.168.1.1

Type escape sequence to abort.
Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 192.168.1.1, timeout is 2 seconds:
!!!!!
Success rate is 100 percent (5/5), round-trip min/avg/max = 0/0/1 ms
```

```
Router2#ping 20.0.2.1

Type escape sequence to abort.

Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 10.0.0.6, timeout is 2 seconds:
.!!!!

Success rate is 80 percent (4/5), round-trip min/avg/max = 0/0/0 ms
```

Với kết quả như trên, Router3 chắc chắn ping được Router1 và Router2, không cần phải kiểm tra.

Bước 3 : Cấu hình default route

```
Router1
Router1 (config) #ip route 0.0.0.0 0.0.0.0 F0/1
Kiểm tra:
Router1#show ip route
Codes: C - connected, S - static, I - IGRP, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route
Gateway of last resort is 0.0.0.0 to network 0.0.0.0
     20.0.0.0/30 is subnetted, 1 subnets
        20.0.1.0 is directly connected, FastEthernet0/1
     192.168.1.0/24 is directly connected, FastEthernet0/0
    0.0.0.0/0 is directly connected, FastEthernet0/1
Router1#ping 8.8.8.8
Type escape sequence to abort.
Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 8.8.8, timeout is 2 seconds:
Success rate is 80 percent (4/5), round-trip min/avg/max = 0/0/0 ms
```

```
Router2
Router2(config) #ip route 0.0.0.0 0.0.0.0 F0/1
Kiểm tra:
Router2#show ip route
Codes: C - connected, S - static, I - IGRP, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       {\tt N1} - OSPF NSSA external type 1, {\tt N2} - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route
Gateway of last resort is 0.0.0.0 to network 0.0.0.0
     20.0.0.0/30 is subnetted, 1 subnets
С
        20.0.2.0 is directly connected, FastEthernet0/1
     192.168.1.0/24 is directly connected, FastEthernet0/0
     0.0.0.0/0 is directly connected, FastEthernet0/1
```

```
Router2#ping 8.8.8.8

Type escape sequence to abort.

Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 8.8.8.8, timeout is 2 seconds:
.!!!!

Success rate is 80 percent (4/5), round-trip min/avg/max = 0/0/3 ms
```

Bước 4: Cấu hình NAT Overload

```
Router1
Router1 (config) #access-list 1 permit 192.168.1.0 0.0.0.255
Router1 (confiq) #ip nat inside source list 1 interface F0/1 overload
Router1(config) #interface F0/0
Router1(config-if) #ip nat inside
Router1(config-if)#exit
Router1 (config) #interface F0/1
Router1(config-if) #ip nat outside
Kiểm tra:
Router1#ping
Protocol [ip]:
Target IP address: 8.8.8.8
Repeat count [5]:
Datagram size [100]:
Timeout in seconds [2]:
Extended commands [n]: y
Source address or interface: FastEthernet0/0
Type of service [0]:
Set DF bit in IP header? [no]:
Validate reply data? [no]:
Data pattern [0xABCD]:
Loose, Strict, Record, Timestamp, Verbose[none]:
Sweep range of sizes [n]:
Type escape sequence to abort.
Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 8.8.8, timeout is 2 seconds:
Packet sent with a source address of 192.168.1.1
Success rate is 100 percent (5/5), round-trip min/avg/max = 0/1/4 ms
```

```
Router2
Router2(config) #access-list 1 permit 192.168.1.0 0.0.0.255
Router2(config) #ip nat inside source list 1 interface F0/1 overload
Router2(config) #interface F0/0
Router2(config-if)#ip nat inside
Router2(config-if)#exit
Router2 (config) #interface F0/1
Router2(config-if) #ip nat outside
Kiểm tra:
Router2#ping
Protocol [ip]:
Target IP address: 8.8.8.8
Repeat count [5]:
Datagram size [100]:
Timeout in seconds [2]:
Extended commands [n]: y
Source address or interface: FastEthernet0/0
Type of service [0]:
```

```
Set DF bit in IP header? [no]:
Validate reply data? [no]:
Data pattern [0xABCD]:
Loose, Strict, Record, Timestamp, Verbose[none]:
Sweep range of sizes [n]:
Type escape sequence to abort.
Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 8.8.8.8, timeout is 2 seconds:
Packet sent with a source address of 192.168.1.2
!!!!!
Success rate is 100 percent (5/5), round-trip min/avg/max = 0/0/1 ms
```

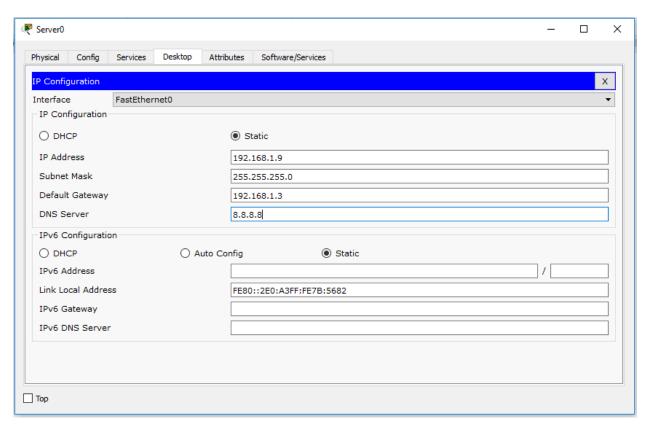
Từ bên trong mạng 192.168.1.0/24, đã có thể ra được Internet.

Bước 5 : Đặt IP DHCP Server

Double Click vào DHCP Server, vào tab Desktop

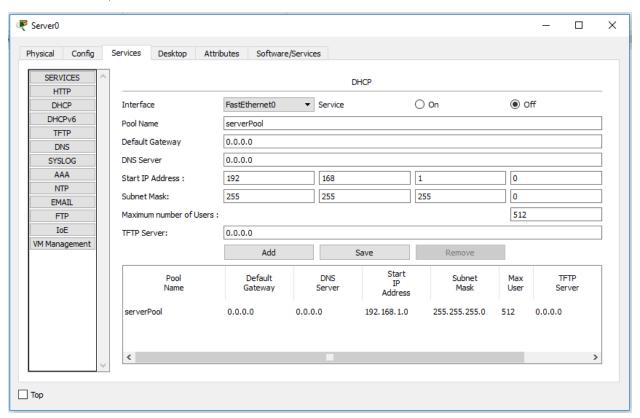


Click IP Configuration, và đặt IP cho DHCP Server như sau:

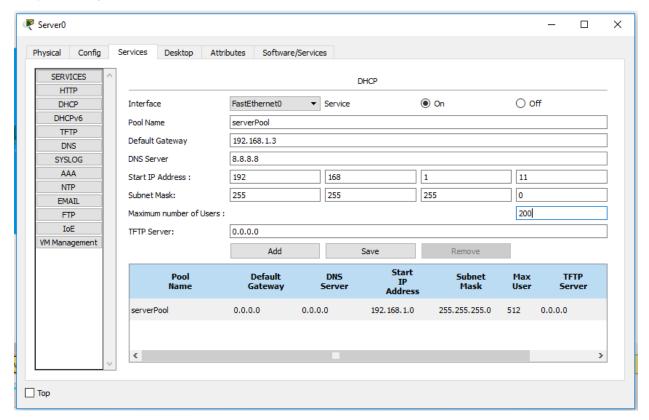


Bước 6: Cấu hình DHCP

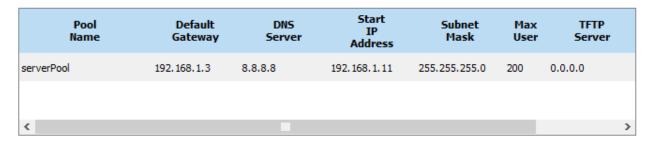
Trên DHCP Server, vào tab Services > DHCP



Nhập các thông số như sau:

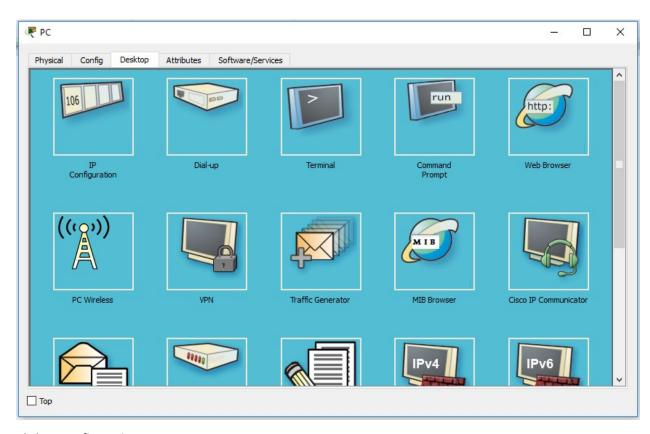


Nhớ chọn « On », sau đó click Save

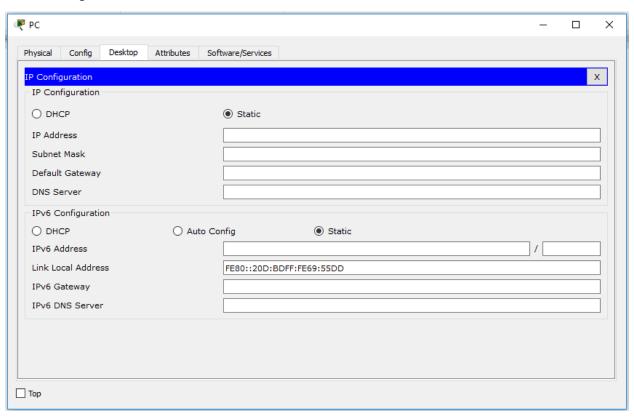


Đóng cửa sổ DHCP Server lại

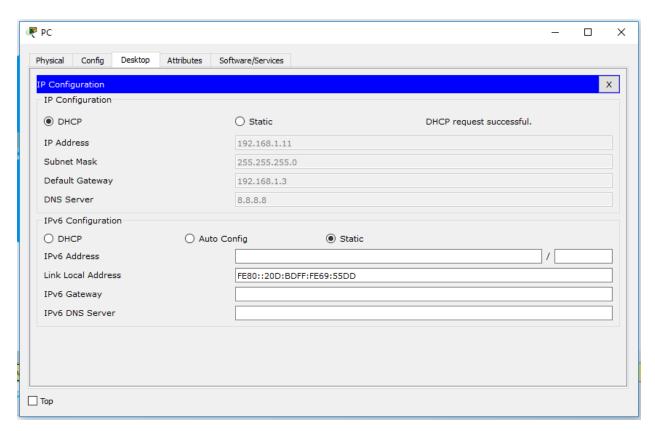
Bước 7 : kiểm tra bằng cách cho PC nhận IP bằng DHCP Double vào icon PC, chọn tab $\bf Desktop$



Click IP Configuration,



Chọn **DHCP**, PC nhận được IP như sau là đúng:



Lưu ý : địa chỉ IP học viên nhận được có thể khác, nhưng subnet mask, default gateway và DNS Server phải giống

Bước 8 : cấu hình HSRP

Khi Router1 gặp sự cố và down, Router2 sẽ chiếm quyền Active. Khi Router1 up trở lại, nếu có preempt (cấu hình bằng lệnh standby 1 preempt), Router1 sẽ chiếm lại quyền Active. Nếu không có preempt, Router2 sẽ tiếp tục giữ vai trò Active.

```
Router1

Router1 (config) #interface F0/0

Router1 (config-if) #standby 1 ip 192.168.1.3

Router1 (config-if) #standby 1 priority 105

Router1 (config-if) #standby 1 preempt
```

Với Router2, không cần cấu hình priority, vì priority mặc định là 100.

```
Router2

Router2(config) #interface F0/0

Router2(config-if) #standby 1 ip 192.168.1.3

Router2(config-if) #standby 1 preempt
```

Bước 9 : Cấu hình track

```
Router1

Router1(config) #interface F0/0

Router1(config-if) #standby 1 track F0/1
```

```
Router1
Router1#show standby
FastEthernet0/0 - Group 1
 State is Active
   6 state changes, last state change 01:02:51
 Virtual IP address is 192.168.1.3
 Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
   Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
 Hello time 3 sec, hold time 10 sec
   Next hello sent in 1.805 secs
 Preemption enabled
 Active router is local
 Standby router is 192.168.1.2
  Priority 105 (configured 105)
    Track interface FastEthernet0/1 state Up decrement 10
  Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

Từ output, có thể thấy:

- Chỉ có 1 group HSRP, là group 1
- Router1 đang giữ vai trò Active
- Đia chỉ IP ảo là 192.168.1.3
- Địa chỉ MAC ảo là **0000.0C07.AC01**
- Preempt đang được bật
- Active Router là router hiện tại (Router1)
- Standby Router là 192.168.1.2 (Router2)
- Priority là 105
- Đang track Interface F0/1, nếu interface này down, priority sẽ bị trừ đi 10

```
Router2#show standby
FastEthernet0/0 - Group 1
State is Standby
3 state changes, last state change 01:22:47
Virtual IP address is 192.168.1.3
Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
Hello time 3 sec, hold time 10 sec
Next hello sent in 0.283 secs
Preemption enabled
Active router is 192.168.1.1
Standby router is local
Priority 100 (default 100)
Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

Từ output, có thể thấy:

- Chỉ có 1 group HSRP, là group 1
- Router2 đang giữ vai trò Standby

- Đia chỉ IP ảo là 192.168.1.3
- Địa chỉ MAC ảo là 0000.0C07.AC01
- Preempt đang được bật
- Active Router là 192.168.1.1 (Router1)
- Standby Router là router hiện tại(Router2)
- Priority là 100

Bước 11 : kiểm tra khả năng dự phòng khi Router1 gặp sự cố

Trên PC, mở Command Prompt và thực hiện lệnh ping 8.8.8.8

```
C:\>ping 8.8.8.8

Pinging 8.8.8.8 with 32 bytes of data:

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Ping statistics for 8.8.8.8:

Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),

Approximate round trip times in milli-seconds:

Minimum = 0ms, Maximum = 1ms, Average = 0ms
```

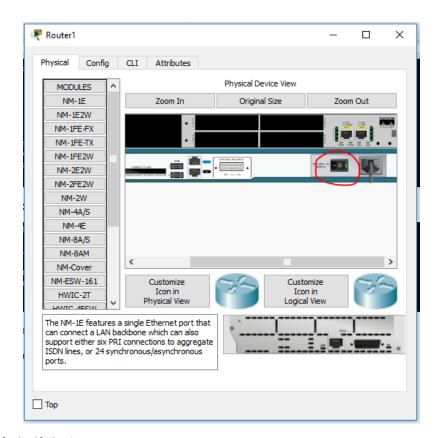
Thực hiện lệnh tracert 8.8.8.8 để xem đường đi đến 8.8.8.8

Có thể thấy, PC chọn đường qua Router1 để đến 8.8.8.8

Lưu cấu hình trên các router.

Giả lập sự cố bằng cách Power Off Router1

Vào Router1, chọn tab Physical, kéo thanh cuộn ngang qua phải, và bấm nút tắt nguồn



Trên PC, thực hiện lại lệnh ping 8.8.8.8

```
C:\>ping 8.8.8.8

Pinging 8.8.8.8 with 32 bytes of data:

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=11ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Ping statistics for 8.8.8.8:

Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),

Approximate round trip times in milli-seconds:

Minimum = 0ms, Maximum = 11ms, Average = 2ms
```

Ping vẫn thành công, dù đường đi mà PC chọn lúc đầu (là qua Router1) đã không còn nữa

Thực hiện lệnh tracert 8.8.8.8 để xem đường đi hiện tại

```
C:\>tracert 8.8.8.8
Tracing route to 8.8.8.8 over a maximum of 30 hops:

1 1 ms     0 ms     0 ms     192.168.1.2
2 0 ms     1 ms     0 ms     8.8.8.8
Trace complete.
```

PC đã chọn đường qua Router2 để đến 8.8.8.8

Lên Router2, kiểm tra cấu hình HSRP

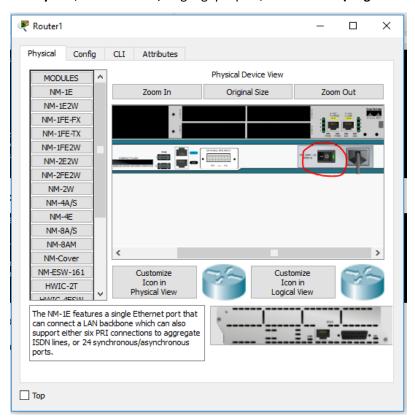
```
Router2#show standby
FastEthernet0/0 - Group 1
```

```
State is Active
4 state changes, last state change 01:35:57
Virtual IP address is 192.168.1.3
Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
Hello time 3 sec, hold time 10 sec
Next hello sent in 2.739 secs
Preemption disabled
Active router is local
Standby router is unknown
Priority 100 (default 100)
Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

Router2 lúc này đã đóng vai trò Active

Bật nguồn lại cho Router1.

Vào Router1, chọn tab Physical, kéo thanh cuộn ngang qua phải, và bấm nút bật nguồn



Chờ khoảng vài phút

Lên PC, thực hiện lại lệnh ping 8.8.8.8

```
C:\>ping 8.8.8.8

Pinging 8.8.8.8 with 32 bytes of data:

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Ping statistics for 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Ping statistics for 8.8.8.8:

Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),

Approximate round trip times in milli-seconds:

Minimum = 0ms, Maximum = 0ms, Average = 0ms
```

Ping thành công

Thực hiện lại lệnh tracert 8.8.8.8 để xem đường đi

```
C:\>tracert 8.8.8.8

Tracing route to 8.8.8.8 over a maximum of 30 hops:

1 * 1 ms 0 ms 192.168.1.1
2 0 ms 0 ms 8.8.8.8

Trace complete.
```

PC đã chọn đường qua Router1 để đến 8.8.8.8

Kiểm tra lại thông số HSRP

```
Router1#show standby
FastEthernet0/0 - Group 1
State is Active
3 state changes, last state change 00:02:17
Virtual IP address is 192.168.1.3
Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
Hello time 3 sec, hold time 10 sec
Next hello sent in 2.677 secs
Preemption enabled
Active router is local
Standby router is 192.168.1.2, priority 100 (expires in 6 sec)
Priority 255 (configured 255)
Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

```
Router2
Router2#show standby
FastEthernet0/0 - Group 1
 State is Standby
   6 state changes, last state change 01:49:29
 Virtual IP address is 192.168.1.3
 Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
   Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
 Hello time 3 sec, hold time 10 sec
   Next hello sent in 0.234 secs
 Preemption disabled
 Active router is 192.168.1.1, priority 255 (expires in 8 sec)
  MAC address is 0000.0C07.AC01
 Standby router is local
 Priority 100 (default 100)
 Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

Router1 lúc này giữ vai trò Active.

Router2 giữ vai trò Standby

→ Do tính năng preempt

Bước 12: Kiểm tra khả năng dự phòng khi kết nối Internet của Router1 gặp sự cố

Trên PC, mở Command Prompt và thực hiện lệnh ping 8.8.8.8

```
C:\>ping 8.8.8.8

Pinging 8.8.8.8 with 32 bytes of data:

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Ping statistics for 8.8.8.8:

Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),

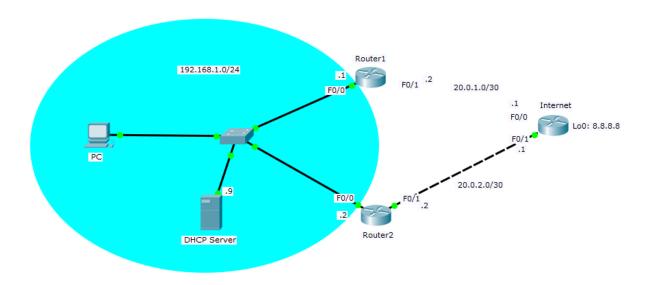
Approximate round trip times in milli-seconds:

Minimum = 0ms, Maximum = 1ms, Average = 0ms
```

Thực hiện lệnh tracert 8.8.8.8 để xem đường đi đến 8.8.8.8

Có thể thấy, PC chọn đường qua Router1 để đến 8.8.8.8

Giả lập sự cố bằng cách xóa kết nối Internet của Router1



Trên PC, thực hiện lại lệnh ping 8.8.8.8

```
C:\>ping 8.8.8.8

Pinging 8.8.8.8 with 32 bytes of data:

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=11ms TTL=254

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=11ms TTL=254

Ping statistics for 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Ping statistics for 8.8.8.8:

Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),

Approximate round trip times in milli-seconds:

Minimum = 0ms, Maximum = 11ms, Average = 2ms
```

Ping vẫn thành công, dù đường đi mà PC chọn lúc đầu (là qua Router1) đã không còn nữa

Thực hiện lệnh tracert 8.8.8.8 để xem đường đi hiện tại

PC đã chọn đường qua Router2 để đến 8.8.8.8

Lên hai router, kiểm tra cấu hình HSRP

```
Router1
Router1#show standby
FastEthernet0/0 - Group 1
 State is Standby
   10 state changes, last state change 01:25:45
 Virtual IP address is 192.168.1.3
 Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
   Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
 Hello time 3 sec, hold time 10 sec
   Next hello sent in 2.826 secs
 Preemption enabled
 Active router is 192.168.1.2, priority 100 (expires in 8 sec)
   MAC address is 0000.0C07.AC01
 Standby router is local
 Priority 95 (configured 105)
   Track interface FastEthernet0/1 state Up decrement 10
 Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

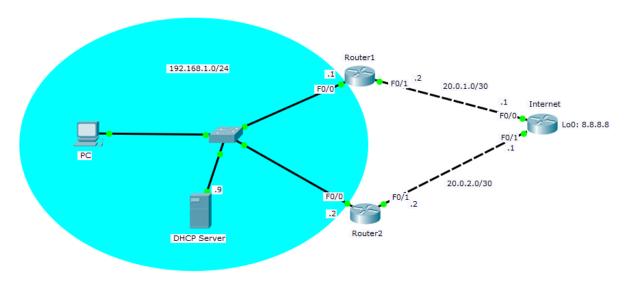
- Router1 lúc này là Standby
- Priority của Router1 chỉ còn 95

```
Router2#show standby
FastEthernet0/0 - Group 1
State is Active
4 state changes, last state change 01:35:57
Virtual IP address is 192.168.1.3
Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
Hello time 3 sec, hold time 10 sec
Next hello sent in 2.739 secs
Preemption disabled
Active router is local
Standby router is unknown
```

```
Priority 100 (default 100)
Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

Router2 lúc này đã đóng vai trò Active

Khôi phục lại kết nối Internet cho Router1.



Chờ khoảng vài phút

Lên PC, thực hiện lại lệnh ping 8.8.8.8

```
C:\>ping 8.8.8.8

Pinging 8.8.8.8 with 32 bytes of data:

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=254

Ping statistics for 8.8.8.8:

Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),

Approximate round trip times in milli-seconds:

Minimum = 0ms, Maximum = 0ms, Average = 0ms
```

Ping thành công

Thực hiện lại lệnh tracert 8.8.8.8 để xem đường đi

```
C:\>tracert 8.8.8.8

Tracing route to 8.8.8.8 over a maximum of 30 hops:

1 * 1 ms 0 ms 192.168.1.1
2 0 ms 0 ms 0 ms 8.8.8.8

Trace complete.
```

PC đã chọn đường qua Router1 để đến 8.8.8.8

Kiểm tra lại thông số HSRP

```
Router1#show standby
```

```
FastEthernet0/0 - Group 1
State is Active

13 state changes, last state change 01:30:57
Virtual IP address is 192.168.1.3
Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
Hello time 3 sec, hold time 10 sec
Next hello sent in 0.347 secs
Preemption enabled
Active router is local
Standby router is 192.168.1.2, priority 100 (expires in 8 sec)
Priority 105 (configured 105)
Track interface FastEthernet0/1 state Up decrement 10
Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

```
Router2
Router2#show standby
FastEthernet0/0 - Group 1
 State is Standby
   6 state changes, last state change 01:49:29
 Virtual IP address is 192.168.1.3
 Active virtual MAC address is 0000.0C07.AC01
   Local virtual MAC address is 0000.0C07.AC01 (v1 default)
 Hello time 3 sec, hold time 10 sec
  Next hello sent in 0.234 secs
 Preemption disabled
 Active router is 192.168.1.1, priority 255 (expires in 8 sec)
   MAC address is 0000.0C07.AC01
 Standby router is local
 Priority 100 (default 100)
 Group name is hsrp-Fa0/0-1 (default)
```

Router1 lúc này giữ vai trò Active. Priority của Router1 được khôi phục lại 105

Router2 giữ vai trò Standby